TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kiên Ngọc Trương.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/20223/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 26/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Ngọc T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Thạch Ngọc M, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 02 năm 2023 và lời trình bày của bà Trịnh Thị Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án: Vào năm 2014 bà và ông Thạch Ngọc M tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số: 112/2014,

quyển số 01/2014. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng của ông bà tương đối hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đến nay, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng ý kiến, ông M không lo cho gia đình, không quan tâm vợ con, vợ chồng thường xuyên cải nhau, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà Trịnh Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Ngọc M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Thạch Thành Th, sinh ngày 28/7/2017 hiện đang sống chung với bà T, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu ông Thạch Ngọc M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị Ngọc T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trịnh Thị Ngọc T giữ yêu cầu ly hôn với ông Thạch Ngọc M, về con chung tên Thạch Thành Th, sinh ngày 28/7/2017 hiện đang sống chung với bà T, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu ông Thạch Ngọc M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị Ngọc T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch Ngọc M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày. Tại phiên tòa hôm nay, ông Thạch Ngọc M vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trịnh Thị Ngọc T chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn ông Thạch Ngọc M vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tôt tụng dân sự năm 2015; về quan hệ hôn nhân bà T, ông M kết hôn và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, mâu thuẫn giữa bà T, ông là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T; về con chung bà T yêu cầu được nuôi dưỡng, xét khi ly thân thì bà T vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên đề nghị Tòa án giao con chung tên Thạch Thành Th, sinh ngày 28/7/2017 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con bà T yêu cầu ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét việc cấp dưỡng nuôi con khi cha mẹ ly hôn phải căn cứ vào chi phí tối

thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của con và khả năng của mỗi bên nên việc bà T yêu cầu ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với chi phí tối thiểu với việc nuôi con chung nên đề nghị Tòa án chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; về án phí hôn nhân gia đình buộc bà T phải chịu 300.000 đồng, ông M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thạch Ngọc M và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay ông Thạch Ngọc M vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch Ngọc M theo quy định.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Ngọc T và ông Thạch Ngọc M tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số: 112/2014, quyển số 01/2014, nên bà T và ông M đã xác lập quan hệ hôn nhân theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Qua đơn khởi kiện, lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án nhận thấy trong quá trình chung sống giữa bà T và ông M đã xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, mâu thuẫn càng trầm trọng. Tại phiên tòa hôm nay bà T giữ yêu cầu và kiên quyết ly hôn với ông M còn ông M mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải để hàn gắn gia đình nhưng ông M vắng mặt cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn hôn nhân giữa ông bà.

Từ những căn cứ trên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trịnh Thị Ngọc T và ông Thạch Ngọc M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà T yêu cầu được ly hôn với ông M là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Trịnh Thị Ngọc T và ông Thạch Ngọc M có 01 con chung tên Thạch Thành Th, sinh ngày 28/7/2017 hiện tại đang sống chung với bà T. Xét thấy, sau khi bà T, ông M ly thân, cháu Th sống với bà T, bà vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Thị Ngọc T yêu cầu ông Thạch Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Thạch Thành Th, sinh ngày 28/7/2017 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Xét việc cấp dưỡng nuôi con khi cha mẹ ly hôn phải căn cứ vào chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của con và khả năng của mỗi bên. Bà T yêu cầu ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông M biết nhưng không có ý kiến và mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị Ngọc T khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà T, ông M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Ngọc T được ly hôn với ông Thạch Ngọc M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Thành Th sinh ngày 28/7/2017 cho bà Trịnh Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Thạch Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Thạch Thành Th, sinh ngày 28/7/2017 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ ngày 15/8/2023.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị Ngọc T khai không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trịnh Thị Ngọc T không có nợ chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trịnh Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trịnh Thị Ngọc T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0015367, ngày 22 tháng 3 năm

2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T nên bà Trịnh Thị Ngọc T không phải nộp tiếp.

Buộc ông Thạch Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Bích Lộc